# Các tính năng của hệ thống



## Đăng kí

### Mô tả và mức ưu tiên

Người dùng sử dụng email và điền mật khẩu để đăng kí sử dụng công cụ.

Mức ưu tiên: cao.

### Tác nhân / chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Khách |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng truy cập vào website. 2. Hệ thống hiển thị trang chủ. 3. Người dùng tiến hành nhập email. 4. Người dùng nhấn nút “Đăng kí”. 5. Hệ thống gửi email chứa mật khẩu. 6. Hệ thống thông báo đã đăng kí thành công. |
| Dòng thay thế | Luồng A – Email đã có người đăng kí  Chuỗi A bắt đầu từ bước 5 ở dòng sự kiện chính khi email đã có người sử dụng.   1. Hệ thống thông báo email đã được sử dụng 2. Hệ thống yêu cầu nhập email khác.   Quay lại bước 3 của dòng sự kiện chính.  Luồng B – Email không tồn tại.  Luồng B bắt đầu từ bước 5 ở dòng sự kiện chính khi email nhập vào không tồn tại.   1. Hệ thống thông báo người dùng nhập lại email. 2. Hệ thống yêu cầu nhập email khác.   Quay lại bước 3 của dòng sự kiện chính. |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được với cơ sở dữ liệu.

## Đăng nhập

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Người dùng sử dụng email và mật khẩu đã đăng kí để đăng nhập vào hệ thống.

Mức ưu tiên: cao.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng vào website. 2. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập. 3. Người dùng tiến hành nhập email và mật khẩu. 4. Nhấn nút Đăng nhập. 5. Hệ thống kiểm tra thông tin tài khoản. |
| Dòng thay thế | Luồng A – Thông tin đăng nhập sai  Chuỗi A bắt đầu từ từ bước 5 của dòng sự kiện chính.   1. Hiển thị thông báo lỗi. 2. Hệ thống yêu cầu nhập lại mật khẩu.   Quay lại bước 3 của dòng sự kiện chính. |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.

## Lấy lại mật khẩu

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Người dùng sử dụng email để lấy lại mật khẩu đã mất.

Mức ưu tiên: cao

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn chức đăng lấy lại mật khẩu. 2. Website chuyển sang trang lấy lại mật khẩu. 3. Người dùng tiến hành nhập email. 4. Người dùng nhấn nút Gửi. 5. Hệ thống kiểm tra thông tin tài khoản. 6. Hệ thống gửi mail chứa mật khẩu mới. |
| Dòng thay thế | Luồng A – Email không tồn tại.  Chuỗi A bắt đầu từ bước 5 của dòng sự kiện chính.   1. Hiển thị thông báo lỗi. 2. Hệ thống yêu cầu nhập email.   Quay lại bước 3 của dòng sự kiện chính.  Luồng B – Email không có trong cơ sở dữ liệu.  Luồng B bắt đầu từ bước 5 của dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống quay lại trang chủ. |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được với cơ sở dữ liệu.

## Đổi mật khẩu

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Chức năng này giúp người sử dụng có thể thay đổi mật khẩu của tài khoản.

Mức ưu tiên: Trung bình.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng khởi động chức năng đổi mật khẩu. 2. Hệ thống hiển thị form để người dùng thay đổi mật khẩu. 3. Người dùng tiến hành nhập mật khẩu cũ. 4. Người dùng tiến hành nhập mật khẩu mới. 5. Người dùng nhập lại mật khẩu mới để xác nhận. 6. Hệ thống tự động kiểm tra sự trùng khớp của 2 mật khẩu mới. 7. Người dùng bấm nút “Lưu”. 8. Hệ thống truy vấn cơ sở dữ liệu để kiểm tra mật khẩu cũ. 9. Hệ thống hiển thị thông tin kết quả. |
| Dòng thay thế | Luồng A – Người dùng không nhập đầy đủ vào form.  Chuỗi A bắt đầu từ bước 7 của dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống hiển thị thông báo “Bạn chưa nhập đầy đủ thông tin”.   Quay lại bước 3 của dòng sự kiện chính.  Luồng B – Người dùng nhập mật khẩu sai  Chuỗi B bắt đầu từ bước 7 của dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống hiện thông báo “Mật khẩu cũ chưa đúng”. 2. Hệ thống xóa tất cả thông tin đã điền.   Quay lại bước 3 của dòng sự kiện chính.  Luồng C – 2 trường mật khẩu mới không trùng khớp.  Chuỗi C bắt đầu từ bước 6 của dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống hiện thông báo “Mật khẩu mới chưa trùng khớp”. 2. Hệ thống yêu cầu nhập lại mật khẩu mới.   Quay lại bước 4 của dòng sự kiện chính. |
| Dòng sự kiện lỗi |  |

### Các yêu cầu chức năng

REQ-1: Hệ thống phải thao tác được với cơ sở dữ liệu.

## Tạo đề thi

### Mô tả và mức ưu tiên

* Mô tả: Chức năng này cho phép người dùng tạo đề thi.
* Mứcc ưu tiên: Cao



### **Tác nhân / Chuỗi đáp ứng**

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn vào mục “Đề thi của tôi”. 2. Người dùng khởi động chức năng “thêm” đề thi mới. 3. Hệ thống hiển thị khung nhập thông tin chi tiết của đề thi. 4. Người dùng tiến hành nhập đầy đủ các thông tin của đề thi: “<Tên Môn >, <Tên đề thi>, <Dạng đề>, <Khối>, <Thời gian thi>,<Số Lượng Câu Hỏi>, <Lưu ý khi thi>”. 5. Người dùng bấm nút “Thêm”. 6. Hệ thống chuyển vào vùng làm việc của đề thi đó.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Người dùng hủy thêm đề thi.  Luồng A bắt đầu khi người dùng bấm nút “Hủy” ở bước 4 ở dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống hủy thêm đề thi.   **Kết thúc use case.**  Luồng B – Người dùng không nhập đầy đủ vào form.  Luồng B bắt đầu từ bước 6 của dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống hiển thị thông báo “Bạn chưa nhập đầy đủ thông tin”.   *Quay lại bước 3 của dòng sự kiện chính.* |
| Dòng sự kiện lỗi |  |

### Các yêu cầu chức năng

1. Hệ thống thao tác được với cơ sở dữ liệu.

## Sửa đề thi

### Mô tả và mức ưu tiên

* Mô tả: Người dùng sửa thông tin đề thi trong danh sách các đề thi.
* Mức ưu tiên: Cao

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn vào mục “Đề thi của tôi”. 2. Người dùng chọn vào đối tượng đề thi cần sửa trong danh sách các câu hỏi. 3. Hệ thống hiển thị khung nhập thông tin của câu hỏi và có nội dung của đề thi cũ. 4. Người dùng thay đổi các thông tin của câu hỏi “<Tên Môn >, <Tên đề thi>, <Dạng đề>, <Khối>, <Thời gian thi>,<Số Lượng Câu Hỏi>, <Lưu ý khi thi>”. 5. Người dùng chọn nút “Lưu”. 6. Hệ thống sẽ lưu lại các thay đổi.   **Kết thúc use case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Người dùng hủy sửa đề thi.  Luồng A bắt đầu khi người dùng bấm nút “Hủy” ở bước 3 ở dòng sự kiện chính.  4. Hệ thống trả về giao diện danh sách đề thi.  **Kết thúc use case.**  Luồng B – Người dùng không nhập đầy đủ vào form.  Luồng B bắt đầu từ bước 4 của dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống hiển thị thông báo “Bạn chưa nhập đầy đủ thông tin”.   *Quay lại bước 3 của dòng sự kiện chính.* |
| Dòng sự kiện lỗi |  |

### Các yêu cầu chức năng

1. Hệ thống thao tác được với cơ sở dữ liệu.
2. Người dùng chỉ sửa được những đề thi mà mình đã tạo.

## Xóa đề thi

### Mô tả và mức ưu tiên

* Mô tả: Người dùng xóa thông tin đề thi trong danh sách các đề thi.
* Mức ưu tiên: Cao

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn vào mục “Đề thi của tôi”. 2. Người dùng chọn vào đối tượng đề thi cần xóa trong danh sách đề thi. 3. Người dùng chọn nút biểu tượng “sọt rác”. 4. Hệ thống hiển thị thông báo “Xác nhận xóa ?”. 5. Người dùng chọn nút “Đồng Ý”. 6. Hệ thống xóa đề thi ra khỏi cơ sở dữ liệu.   **Kết thúc use case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Người dùng hủy xóa thông tin đề thi  Luồng A bắt đầu khi người dùng bấm nút “Hủy” ở bước 4 ở dòng sự kiện chính.  5. Hệ thống hủy xóa thông tin đề thi  **Kết thúc use case.** |

### Các yêu cầu chức năng

1. Hệ thống thao tác được với cơ sở dữ liệu.
2. Người dùng chỉ xóa được đề thi mà mình đã tạo

## Thêm câu hỏi

### Mô tả và mức ưu tiên

* Mô tả: Chức năng này cho phép người dùng thêm câu hỏi vào đề thi.
* Mức ưu tiên: Cao.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Giáo Viên Bộ Môn |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “Đề thi của tôi”. 2. Người dùng chọn đối tượng đề thi trong danh sách đề thi. 3. Người dùng chọn nút “Thêm câu hỏi” (dấu cộng) . 4. Hệ thống hiển thị loại câu hỏi trắc nghiệm cho người dùng chọn, bao gồm: “Chọn phương án đúng nhất”, “Chọn nhiều phương án”, “Điền vào chổ trống”, “Nối cột”. 5. Người dùng chọn loại câu hỏi. (chỉ được chọn 1). 6. Hệ thống hiển thị khung nhập thông tin của câu hỏi. 7. Người dùng tiến hành nhập đầy đủ các thông tin của câu hỏi: <Nội Dung Câu Hỏi>, <Các đáp án>, <Đáp án đúng>. 8. Người dùng bấm nút “Thêm”. 9. Hệ thống sẽ lưu lại thông tin của câu hỏi vừa nhập vào danh sách.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Người dùng hủy thêm câu hỏi  Luồng A bắt đầu khi người dùng bấm nút “Hủy” ở bước 3 ở dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống hủy thêm thông tin câu hỏi   **Kết thúc Use-Case.**  Luồng B – Người dùng không nhập đầy đủ vào form (Thiếu ít nhất 1 nội dung sau: thiếu câu hỏi, thiếu đáp án, thiếu phương án đúng).  Luồng B bắt đầu từ bước 9 của dòng sự kiện chính.   1. Hệ thốn thông báo: “Bạn chưa nhập đầy đủ thông tin câu hỏi”   *Quay lại bước 6 của dòng sự kiện chính.* |
| Dòng sự kiện lỗi |  |

### Các yêu cầu chức năng

1. Hệ thống thao tác được với cơ sở dữ liệu.
2. Người dùng chỉ thêm câu hỏi vào đề thi do chính mình tạo.

## Sửa câu hỏi

### Mô tả và mức ưu tiên

* Mô tả: Người dùng sửa thông tin câu hỏi trong danh sách các câu hỏi.
* Mức ưu tiên: cao

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “Đề thi của tôi”. 2. Người dùng chọn đối tượng đề thi trong danh sách đề thi. 3. Người dùng chọn câu hỏi cần sửa 4. Hệ thống hiển thị khung nhập thông tin của câu hỏi và có nội dung của câu hỏi cũ. 5. Người dùng tiến hành nhập đầy đủ các thông tin của câu hỏi: <Nội Dung Câu Hỏi>, <Các đáp án>, <Đáp án đúng>. 6. Người dùng bấm nút “Thêm”. 7. Hệ thống sẽ lưu lại thông tin của câu hỏi vừa nhập vào danh sách.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Người dùng nghỉ sửa thông tin câu hỏi.  Luồng A bắt đầu khi người dùng bấm nút “Hủy” ở bước 3 ở dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống trả về giao diện danh sách câu hỏi.   **Kết thúc Use-Case.**  Luồng B – Người dùng không nhập đầy đủ vào form (Thiếu ít nhất 1 nội dung sau: thiếu câu hỏi, thiếu đáp án, thiếu phương án đúng).  Luồng B bắt đầu từ bước 7 của dòng sự kiện chính.   1. Hệ thốn thông báo: “Bạn chưa nhập đầy đủ thông tin câu hỏi”   *Quay lại bước 4 của dòng sự kiện chính.* |

### Các yêu cầu chức năng

1. Hệ thống thao tác được với cơ sở dữ liệu.
2. Người dùng chỉ sửa được câu hỏi của đề thi mà chính mình tạo

## Xóa câu hỏi

### Mô tả và mức ưu tiên

* Mô tả: Khi người tạo đề muốn xóa câu hỏi đó ra khỏi đề thi. Khi xóa xong thì câu hỏi đó không thể khôi phục lại được.
* Mức ưu tiên: Cao.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “Đề thi của tôi”. 2. Người dùng chọn đối tượng đề thi trong danh sách đề thi. 3. Người dùng chọn biểu tượng “thùng rác” tại vị trí câu hỏi cần xóa. 4. Hệ thống hiển thị thông báo “Bạn có chắc xóa?”. 5. Người dùng bấm nút “Chắc chắn”. 6. Hệ thống xóa câu hỏi đó ra khỏi CSDL.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Người dùng hủy xóa  Luồng A bắt đầu khi người dùng bấm nút “Hủy” ở bước 3 ở dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống trở về giao diện danh sách câu hỏi.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng sự kiện lỗi |  |

### Các yêu cầu chức năng

1. Hệ thống thao tác được với cơ sở dữ liệu.
2. Người dùng chỉ sửa được câu hỏi của đề thi mà chính mình tạo

## Mở đề thi

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Hệ thống sẽ mở bài thi cho người thi tham gia thi.

Mức ưu tiên: cao.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “Quản Lý Đề Thi”. 2. Người dùng mở danh sách đề thi. 3. Người dùng chọn đối tượng đề thi trong danh sách các đề thi để tiến hành kiểm tra. 4. Người dùng chọn nút “Mở đề thi”. 5. Hệ thống mở đề thi. 6. Hệ thống thông báo “Đã mở xong”.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Đề thi đang ở trạng thái mở  Luồng A bắt đầu từ bước 4   1. Hệ thống tạo thông báo “Đề thi đang trong trạng thái mở”.   **Kết thúc Use-Case.** |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Người dùng chỉ thao tác được trên đề mà mình tạo.
3. Chức năng này thực hiện được khi đề thi đó đang ở trạng thái đóng.

## Tìm đề thi

### Mô tả và mức ưu tiên

* Mô tả: Người dùng tìm kiếm đề thi trong danh sách các đề thi theo các tiêu chí.
* Mức ưu tiên: Cao.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn vào mục “Tìm kiếm”. 2. Người dùng lựa chọn theo các tiêu chí tìm kiếm mà hệ thống cung cấp “Tìm kiếm theo khối”, “Tìm kiếm theo môn”, “Tìm kiếm theo tên đề”, “Tìm kiếm theo giáo viên”    1. Người dùng chọn “Tìm kiếm theo khối”.       1. Người dùng chọn khối cần tìm kiếm.    2. Người dụng chọn “Tìm kiếm theo môn”.       1. Người dùng nhập môn cần tìm kiếm.    3. Người dùng chọn “Tìm kiếm theo tên đề”.       1. Người dùng nhập tên đề cần tìm kiếm.    4. Người dụng chọn “Tìm kiếm theo giáo viên”.       1. Người dùng nhập tên giáo viên cần tìm kiếm. 3. Người dùng chọn nút “Tìm Kiếm”. 4. Hệ thống sẽ hiển thị kết quả tìm kiếm.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế |  |

### Các yêu cầu chức năng

1. Hệ thống thao tác được với cơ sở dữ liệu.

## Đóng đề thi

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Chức năng này dùng để đóng đề thi ngoài thời gian thi. Khi đóng đề thi người thi sẽ không thể vào được đề thi.

Mức ưu tiên: Cao.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Giáo Viên Bộ Môn |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “Đề thi của bạn”. 2. Người dùng chọn đối tượng đề thi trong danh sách các đề thi để tiến hành đóng đề thi. 3. Người dùng chọn nút “Đóng đề thi”   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế |  |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Chỉ đóng được những đề thi mà mình đã tạo.

## Xem đề thi

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Chức năng này cho phép người dùng xem đề thi đã được tạo trước.

Mức ưu tiên: Cao.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “Đề thi của bạn”. 2. Người dùng chọn đối tượng đề thi trong danh sách các đề thi để xem. 3. Hệ thống tiến hành hiển thị nội dung đề thi theo yêu cầu của người dùng.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế |  |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Người dùng chỉ thao tác được trên đề thi mà mình đã tạo

## Khóa bài thi

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Chức năng này thực hiện khi giáo viên muốn khóa đối với người tham gia thi đã vi phạm nội quy. Khi chức năng này thực hiện thì người tham gia thi không thể tiếp tục thi.

Mức ưu tiên: Trung bình.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề, giám thị |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng vào “Đề thi của tôi”. 2. Chọn đối tượng đề thi trong danh sách. 3. Người dùng chọn “Danh sách đang tham gia thi”. 4. Bấm vào biểu tượng ổ khóa ngay đối tượng đó (ổ khóa nổi lên).   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – khi người dùng muốn khóa nhiều đối tượng.  Luồng A bắt đầu từ bước 3.   1. Check chọn những đối tượng cần khóa. 2. Bấm vào biểu tượng khóa bài thi. 3. Hệ thống kiểm tra danh sách đối tương khóa bài thi 4. Hệ thống tiến hành khóa bài thi đối với những thí sinh được chọn.   Luồng B – khi trong danh sách các đối tượng cần khóa có đối tượng trong trạng thái bị khóa.  Luồng B bắt đầu từ bước 6 của dòng thay thế.   1. Hệ thống thông báo “Thí sinh XXX đã bị khóa trước đó” (với XXX là tên thí sinh). 2. Hệ thống tiến hành khóa bài thi đối với những thí sinh được chọn.   **Kết thúc Use-Case.** |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Đề thi trong trạng thái mở.
3. Đề thi là dạng đề “Cá nhân”.
4. Bài thi của thí sinh đang trong trạng thái không bị khóa.
5. Thao tác được trên đề thi mình đang quản lý.

## Mở bài cho thi lại

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Hệ thống cho phép giáo viên mở bài thi của một hoặc nhiều người thi thi lại (trong trường hợp bài thi đó bị khóa, máy đó gặp sự cố ....).

Mức ưu tiên: Trung bình.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề, Giám thị |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng vào “Đề thi của tôi”. 2. Chọn đối tượng đề thi trong danh sách. 3. Người dùng chọn “Danh sách đang tham gia thi”. 4. Bấm vào biểu tượng ổ khóa ngay đối tượng đó (ổ khóa ẩn đi).   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – khi người dùng muốn mở khóa nhiều đối tượng.  Luồng A bắt đầu từ bước 3.   1. Check chọn những đối tượng cần khóa. 2. Bấm vào biểu tượng khóa bài thi. 3. Hệ thống kiểm tra danh sách đối tương khóa bài thi 4. Hệ thống tiến hành khóa bài thi đối với những thí sinh được chọn.   Luồng B – khi trong danh sách các đối tượng cần mở khóa có đối tượng trong trạng thái không bị khóa.  Luồng B bắt đầu từ bước 6 của dòng thay thế.   1. Hệ thống thông báo “Thí sinh XXX không bị khóa trước đó” (với XXX là tên thí sinh). 2. Hệ thống tiến hành mở khóa bài thi đối với những thí sinh được chọn.   **Kết thúc Use-Case.** |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Đề thi đang trong trạng thái mở.
3. Đề thi nằm trong dạng đề “Cá nhân”.
4. Thực hiện đối với thí sinh trong trạng thái bị khóa.
5. Thao tác được trên đề thi mình đang quản lý.

## Đánh dấu bài thi

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Chức năng này cho phép người dùng đánh dấu bài của thí sinh đã vi phạm quy chế thi.

Mức ưu tiên: Trung bình.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề, Giám thị |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng vào “Đề thi của tôi”. 2. Chọn đối tượng đề thi trong danh sách. 3. Người dùng chọn “Danh sách đang tham gia thi”. 4. Bấm vào biểu tượng “đánh dấu” ngay đối tượng đó (biểu tượng đánh dấu nổi lên).   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – khi người dùng muốn đánh dấu nhiều đối tượng.  Luồng A bắt đầu từ bước 3.   1. Check chọn những đối tượng cần đánh dấu. 2. Bấm vào biểu tượng “đánh dấu” bài thi. 3. Hệ thống kiểm tra danh sách đối tương “đánh dấu” bài thi 4. Hệ thống tiến hành đánh dấu bài thi đối với những thí sinh được chọn.   Luồng B – khi trong danh sách các đối tượng cần “đánh dấu” có đối tượng trong trạng thái bị đánh dấu.  Luồng B bắt đầu từ bước 6 của dòng thay thế.   1. Hệ thống thông báo “Thí sinh XXX đã bị đánh dấu trước đó” (với XXX là tên thí sinh). 2. Hệ thống tiến hành đánh dấu bài thi đối với những thí sinh được chọn.   **Kết thúc Use-Case.** |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Thao tác được trên đề thi của mình quản lý.

## Bỏ đánh dấu bài thi

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Chức năng này cho phép người dùng mở đánh dấu bài của thí.

Mức ưu tiên: Trung bình.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề, Giám thị |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng vào “Đề thi của tôi”. 2. Chọn đối tượng đề thi trong danh sách. 3. Người dùng chọn “Danh sách đang tham gia thi”. 4. Bấm vào biểu tượng “đánh dấu” ngay đối tượng đó (biểu tượng “đánh dấu” ẩn đi).   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – khi người dùng muốn đánh dấu nhiều đối tượng.  Luồng A bắt đầu từ bước 3.   1. Check chọn những đối tượng cần bỏ đánh dấu. 2. Bấm vào biểu tượng “đánh dấu” bài thi. 3. Hệ thống kiểm tra danh sách đối tương “đánh dấu” bài thi 4. Hệ thống tiến hành bỏ đánh dấu bài thi đối với những thí sinh được chọn.   Luồng B – khi trong danh sách các đối tượng cần bỏ đánh dấu có đối tượng trong trạng thái không bị đánh dấu.  Luồng B bắt đầu từ bước 6 của dòng thay thế.   1. Hệ thống thông báo “Thí sinh XXX không bị đánh dấu trước đó” (với XXX là tên thí sinh). 2. Hệ thống tiến hành bỏ đánh dấu bài thi đối với những thí sinh được chọn.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng sự kiện lỗi |  |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Thao tác được trên đề thi của mình quản lý.

## Thay đổi thời gian thi

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Hệ thống cho phép sử dụng chức năng này để thay đổi thời gian thi. Có thể thay đổi trước lúc thi hoặc trong thời gian đang thi. Chức năng này có thể thực hiện đối với cả danh sách thi hoặc đối với một thí sinh cụ thể đang tham gia thi.

Mức ưu tiên: Trung bình.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề, Giám thị |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “Đề thi của tôi”. 2. Chọn danh sách đề thi. 3. Chọn đề thi. 4. Bấm nút “Đổi thời gian thi”. 5. Hệ thống xuất hiện textField “Thời gian thi” (đơn vị phút). 6. Người dùng nhập thời gian thi. 7. Bấm nút “Đổi”. 8. Hệ thống thực hiện đổi thời gian thi.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Thêm thời gian thi trong thời gian thí sinh đang thi  Luồng A bắt đầu từ bước 3 của dòng sự kiện chính.   1. Bấm nút “Thêm thời gian thi”. 2. hệ thống xuất hiện 2 lựa chọn “Thêm cho tất cả thí sinh” và “Thêm cho những thí sinh” (chỉ được chọn 1 trong 2).    1. Người dùng chọn “Thêm cho tất cả thí sinh”.       1. Hệ thống hiện textfield cho nhập vào thời gian cần thêm (đơn vị phút).       2. Người dùng nhập vào thời gian cần thêm.       3. Bấm nút “Thêm”.       4. Hệ thống thực hiện thêm thời gian thi.   **Kết thúc Use-Case.**   * 1. Người dùng chọn “Thêm cho những thí sinh”.      1. Hệ thống hiển thị textfield cho nhập tên thí sinh cần thêm thời gian và textfield thời gian cần thêm.      2. Người dùng nhập tên thí sinh cần cho thêm thời gian thêm (có thể là 1 hoặc nhiều thí sinh).      3. Người dùng nhập tiếp thời gian cần thêm (đơn vị phút).      4. Bấm nút “Thêm”.      5. Hệ thống thực hiện thêm thời gian thi.   **Kết thúc Use-Case.**  Luồng B – Người dùng nhập thời gian thi không hợp lệ.  Luồng B bắt đầu từ bước 7 của dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống thông báo thời gian thi không hợp lệ.   *Quay lại bước 5 của dòng sự kiện chính.*  Luồng C – Người dùng nhập thời gian thi không hợp lệ.  Luồng C bắt đầu từ bước 6.1.5 của dòng thay thế.   * + 1. Hệ thống thông báo thời gian thi không hợp lệ.   *Quay lại bước 6.1.1 của dòng thay thế.*  Luồng D – Người dùng nhập tên thí sinh không hợp lệ.  Luồng D bắt đầu từ bước 6.2.5 của dòng thay thế.   * + 1. Hệ thống thông báo thí sinh XXX không tồn tại (với XXX là thí sinh người dùng nhập vào).   *Quay lại bước 6.2.1 của dòng thay thế.*  Luồng E – Người dùng nhập thời gian thêm không hợp lệ.  Luồng E bắt đầu từ bước 6.2.5 của dòng thay thế.   * + 1. Hệ thống thông báo thời gian thêm không hợp lệ.   *Quay lại bước 6.2.1 của dòng thay thế.* |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Thao tác được trên đề thi mình đang quản lý.

## Thông báo kết quả thi

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Kết quả thi sẽ được thông báo khi người dùng kết thúc phần thi của mình.

Mức ưu tiên: Cao.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Thí sinh |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn đề thi. 2. Nhập mật khẩu đề thi. 3. Bấm nút “Bắt đầu thi”. 4. Bấm nút “Nộp bài”. 5. Hệ thống trả về số điểm dựa trên kết quả đúng mà người thi đã làm.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Khi hết thời gian thi  Luồng A bắt đầu từ bước 3 của dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống trả về số điểm dựa trên kết quả đúng mà người thi đã làm. |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Chỉ xem được điểm của mình.

## Xuất file đề thi

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Người dùng yêu cầu hệ thống cho phép xuất file đề thi

Mức ưu tiên: Trung bình.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “Đề thi của tôi”. 2. Người dùng chọn đối tượng đề thi trong danh sách các đề thi. 3. Người dùng chọn nút “Xuất đề thi” 4. Hệ thống tiến hành xuất file đề thi.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Người dùng hủy xuất file đề thi  Luồng A bắt đầu từ bước 2 của dòng sự kiện chính.   1. Hệ thống hủy xuất file đề thi   **Kết thúc Use-Case.** |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Chỉ xuất được những đề thi mà mình đã tạo

## Xuất file đáp án đề thi

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Người dùng yêu cầu hệ thống cho phép xuất file đáp án đề thi

Mức ưu tiên: Cao.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “Đề thi của tôi”. 2. Người dùng chọn đối tượng đề thi trong danh sách đề thi. 3. Người dùng chọn nút “Xuất đáp áp”. 4. Hệ thống tiến hành xuất file đề thi.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Người dùng hủy xuất file đề thi.  Luồng A bắt đầu từ bước 2 của dòng sự kiện chính.  3. Hệ thống hủy xuất file đề thi  **Kết thúc Use-Case.** |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Chỉ xuất được đáp án mà của những đề thi mà mình quản lý.

## Xuất file bài làm học sinh

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Chức năng này cho phép người dùng xuất file đề bài làm của từng học sinh hoặc của cả lớp.

Mức ưu tiên: Trung bình.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “Đề thi của tôi”. 2. Chọn đối tượng đề thi trong danh sách đề thi. 3. Chọn “Danh sách tham gia thi” 4. Bấm nút “Xuất bài làm”.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Người dùng xuất một bài làm của một học sinh cụ thể.  Luồng A bắt đầu từ bước 3 của dòng sự kiện chính.   1. Chọn học sinh cần xuất. 2. Bấm nút “Xuất bài làm”.   **Kết thúc Use-Case.** |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Chỉ xuất được đáp án mà của những đề thi mà mình quản lý.

## Xuất danh sách điểm học sinh

### Mô tả và mức ưu tiên

Mô tả: Chức năng cho phép người dùng xuất danh sách kết quả thi

Mức ưu tiên: cao.

### Tác nhân / Chuỗi đáp ứng

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người ra đề |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn mục “Quản Lý Đề Thi”. 2. Người dùng chọn đối tượng đề thi trong danh sách đề thi. 3. Người dùng chọn lớp cần xuất. 4. Hệ thống tiến hành xuất file kết quả.   **Kết thúc Use-Case.** |
| Dòng thay thế | Luồng A – Người dùng hủy xuất file đề thi.  Luồng A bắt đầu từ bước 2 của dòng sự kiện chính.  3. Hệ thống hủy xuất file đề thi  **Kết thúc Use-Case.** |

### Các yêu cầu chức năng

1. Thao tác được trên cơ sở dữ liệu.
2. Chỉ xuất điểm những lớp đã tham gia thi trên đề thi của giáo viên đó tạo.